TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v " TrAh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAV NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn;

Ông Thái Văn Bê;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu vực 3, đường H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Tăng Hồng V, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Năm 2007 bà A và ông V kết hôn với nhau và có hai con Tăng Mỹ H (Nữ), sinh ngày 05/4/2010, Tăng Ngọc M (Nữ), sinh ngày 23/01/2013. Đến năm 2016 cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông bà đã ly hôn. Đến năm 2017 ông bà sống lại với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Trà A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông bà có thêm một người con Tăng Chí T (Nam), sinh ngày 29/6/2020. Trong quá trình chung sống ông V ham mê

cờ bạc, gây nợ nần dẫn đến ông bà thường xuyên cự cãi, ông V còn có hành vi đánh bà A. Nay bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với ông V được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quA điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo tố tụng quy định. Về hướng giải quyết của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao ba con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà A có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con xác định quA hệ trAh chấp là trAh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông V theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Bà A và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Trà A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà A mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc ông V gây nợ dẫn đến ông bà thường xuyên bất đồng, ông V còn có hành vi đánh bà nhiều lần nên hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đây chỉ là lời trình bày chỉ

từ bà A, nhưng ông V được triệu tập mà không đến Tòa án giải quyết nên nhận thấy ông V không có T chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà A. Đồng thời hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện gắn kết từ hai bên, tuy nhiên tại phiên tòa bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V nên không thể hàn gắn. Như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa ông V và bà A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà A yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 03 người con, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi và 02 con trên 7 tuổi. Hiện tại ba người con đAg sinh sống cùng với bà A. Căn cứ vào Khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi, đối với con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Xét cháu T chưa được 36 tháng tuổi nên cần thiết giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Hân, cháu Châu trên 7 tuổi, hiện đAg sống ổn định cùng bà A. Bà A cũng yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179, Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A đối với ông Tăng Hồng V về yêu cầu ly hôn, nuôi con.

1. Về quA hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thúy A ly hôn với ông Tăng Hồng V.

2. Về con chung: Giao ba con chung tên Tăng Mỹ H (Nữ), sinh ngày 05/4/2010, Tăng Ngọc M (Nữ), sinh ngày 23/01/2013 và Tăng Chí T (Nam), sinh ngày 29/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không, do nguyên đơn không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tăng Hồng V, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002740 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND P.Trà A, Q.Bình Thủy
(nơi đk kết hôn-GCNKH 12,11/4/2017);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thùy Hương